

CHUYÊN MỤC

SỬ HỌC - NHÂN HỌC - NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN DU KÍCH Ở VÙNG VEN SÀI GÒN GIAI ĐOẠN 1956-3/1965

LÊ THẾ TÀI*

Chiến tranh du kích là một trong những hình thức chiến tranh cơ bản đã được triển khai thành công ở địa bàn vùng ven Sài Gòn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Từ những đội vũ trang nhỏ, phân tán mới được tái lập năm 1956, đến đầu năm 1965, lực lượng quân dân du kích đã phát triển mạnh và trở thành một lực lượng quan trọng ở vùng ven Sài Gòn, góp phần quan trọng đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Bài viết tập trung phân tích quá trình xây dựng, phát triển và tổ chức của lực lượng dân quân du kích vùng ven Sài Gòn giai đoạn 1956 - 3/1965.

Từ khóa: Dân quân du kích, Sài Gòn, kháng chiến chống Mỹ

Ngày nhận bài: 26/9/2016; đưa vào biên tập: 29/9/2016; phản biện: 15/10/2016; duyệt đăng: 29/11/2016

1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN DU KÍCH VÙNG VEN SÀI GÒN GIAI ĐOẠN 1956-1960

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày 20/7/1954, Pháp buộc phải ký Hiệp định Genève, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương. Theo

đó, vĩ tuyến 17 được lấy làm ranh giới quân sự tạm thời. Ở miền Nam, được sự hỗ trợ của chính phủ Mỹ, ngày 23/10/1955, Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc "trưng cầu dân ý" ở miền Nam Việt Nam nhằm truất phế Bảo Đại, lên làm Quốc trưởng Quốc gia Việt Nam. Ngày 26/10/1955, Diệm tuyên bố thành lập "Việt Nam Cộng hòa". Đến ngày 11/3/1956, Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc Tổng tuyển cử riêng rẽ ở miền Nam Việt Nam để hợp pháp hóa

* Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

chức danh Tổng thống Việt Nam Cộng hòa. Những hành động của Ngô Đình Diệm dưới sự hậu thuẫn của Mỹ đã đơn phương xóa bỏ nguyện vọng của nhân dân Việt Nam về Tổng tuyển cử thống nhất đất nước theo tinh thần của Hiệp định Genève.

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết, hai bên ngừng bắn và chuyển quân tập kết theo quy định của Hiệp định. Một bộ phận lớn lực lượng vũ trang cách mạng đã tập kết ra Bắc, nhiều đơn vị dân quân du kích bị sáp nhập vào các đơn vị bộ đội địa phương, phần còn lại chuyển sang các công tác khác, nhằm phục vụ cho cuộc đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Genève sau này. Trong thời gian này, nhiệm vụ chính của cách mạng miền Nam là đấu tranh chính trị với chính quyền Sài Gòn nhằm thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất đất nước theo tinh thần của Hiệp định Genève. Với lực lượng cán bộ nòng cốt ở lại, cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân đòi thi hành hiệp định, đòi dân sinh, dân chủ, chống cuộc bầu cử giả hiệu của Ngô Đình Diệm... đã được đẩy lên mức cao trào với khí thế liên tục, rầm rộ, sôi nổi (Hội đồng Chỉ đạo Biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến 2011: 211-220).

Tuy nhiên, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tìm mọi cách để chống lại việc hiệp thương tổng tuyển cử hai miền, tự lập ra một chính thể bất hợp pháp, đi ngược lại tinh thần Hiệp định Genève. Chúng còn tổ chức các chiến dịch “tổ cộng”, “diệt cộng”, khủng bố dữ dội hệ thống tổ chức và phong trào

đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam. Trước sự đàn áp khốc liệt của chế độ Ngô Đình Diệm, chỉ với tay không và lý lẽ đối chọi với súng đạn, nên lực lượng cách mạng ở miền Nam bị tổn thất nặng nề. Trong khi đó, chủ trương của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lúc này vẫn chỉ là đấu tranh chính trị, kiềm chế xung đột vũ trang. Đến năm 1959, lực lượng cách mạng miền Nam rơi vào tình trạng có thể không còn tiếp tục tồn tại được tại đây. Thành quả 9 năm kháng chiến chống Pháp giành độc lập, thống nhất có thể bị mất trắng.

Vùng ven Sài Gòn lúc này, bao gồm các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Thủ Đức (cũ), quận Gò Vấp, Tân Bình và Bình Tân, cũng nằm trong tình hình trên. Trước hoàn cảnh nước sôi, lửa bỏng, đặc biệt sau khi có Nghị quyết của Xứ ủy (cuối năm 1956) về tái lập lực lượng vũ trang và căn cứ địa, một số địa phương ở Nam Bộ, trong đó có khu vực vùng ven Sài Gòn đã xuất hiện các tổ chức vũ trang đầu tiên. Cuối năm 1956, một số huyện của tỉnh Gia Định đã bắt đầu lập ra các đơn vị tự vệ vũ trang, trong đó phát triển hơn cả có huyện Củ Chi. Mỗi xã ở huyện Củ Chi có hai tổ tự vệ, thậm chí có xã lực lượng lên tới tiểu đội. Sang năm 1957, nhân dân ở các xã Phú Hòa Đông, An Nhơn Tây, Nhuận Đức, Phú Mỹ Hưng, Trung Lập... còn lập ra các tổ du kích và đội tự vệ từ ba đến bảy người, trang bị vũ khí thô sơ. Các đơn vị này thường lấy danh nghĩa là chống trộm cướp nhưng thực chất là để bảo vệ

các cơ sở Đảng, tập trung diệt những tên ác ôn khét tiếng đêm đêm rình mò, lòng bất cán bộ, đồng thời hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh chống đuổi nhà cướp đất, chống bắn pháo bừa bãi, đòi tự do đi lại, tổ chức làm ăn. Về mặt tổ chức, các nhóm tự vệ vũ trang này trực thuộc sự quản lý của các chi bộ Đảng tại địa phương (Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự TPHCM 1998: 188).

Ở Thủ Đức, vào cuối năm 1955 đầu năm 1956 đã thành lập được đội tự vệ ở xã An Phú, Tăng Nhơn Phú, Đông Hòa và Tam Bình. Ở Nhà Bè, từ năm 1957 nhiều xã đã thành lập từ một đến hai tổ đoàn viên thanh niên lao động (gọi tắt là Thanh Lao), là nòng cốt phát triển đảng viên, xây dựng lực lượng tự vệ mật (xã Bình Khánh), đồng thời còn là lực lượng rất tích cực trong công tác giao liên, tiếp tế hậu cần cho cán bộ. Nằm ở vùng ranh giới giữa nội và ngoại thành, các tổ tự vệ vũ trang ở An Phú Đông, Thạnh Lộc của quận Gò Vấp cũng được thành lập vào cuối năm 1957. Ở Hóc Môn, Tân Bình các đội tự vệ cũng được ra đời ở các xã Tân Sơn Nhì, Bình Hưng Hòa, Xuân Hòa, Vĩnh Lộc, Tân Sơn Hòa... (Ban Chấp hành Đảng bộ TPHCM 2014: 599).

Trên thực tế, mặc dù chủ trương đấu tranh chính trị là chính, nhưng trước sự đàn áp của chế độ Ngô Đình Diệm, Trung ương Đảng cũng xác định: “Hình thức đấu tranh của ta trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải là đấu tranh vũ trang. Nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong

những hoàn cảnh nhất định” (Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 6/1956, Đảng Cộng sản Việt Nam 2002: 225), tiếp theo đó dự thảo *Đề cương cách mạng miền Nam* của đồng chí Lê Duẩn (1957) cũng khẳng định con đường tiến lên của cách mạng miền Nam là phải dùng bạo lực lật đổ chế độ độc tài phát xít Ngô Đình Diệm. Bản thân Xứ ủy, trong Nghị quyết tháng 12/1956 cũng đã đặt vấn đề “xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, khôi phục căn cứ” (Bộ Tư lệnh Quân khu 7, 1995: 65-66). Nhưng do bị ảnh hưởng bởi đường lối đấu tranh từ Trung ương nên Xứ ủy Nam Bộ chưa tìm được phương thức hiệu quả để chống trả sự khủng bố của chế độ Sài Gòn. Vì vậy, các tổ, đội vũ trang tự vệ tuy xuất hiện sớm ở các địa bàn vùng ven Sài Gòn, song cũng chưa phát triển nhanh và mạnh như tình hình yêu cầu (Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự TPHCM 1998: 192). Mặc dù vậy, việc xây dựng được những đơn vị vũ trang cũng có tác dụng tích cực đối với phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân. Có thể nói, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam trong những năm 1956-1958 cho thấy, địa phương nào xây dựng được lực lượng vũ trang, ở đó lực lượng cách mạng ít bị tổn thất và có điều kiện thuận lợi hơn cho phong trào Đồng khởi sau này (Nguyễn Đình Lê 1999: 7).

Trên cơ sở đó, tháng 1-1959, Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cách mạng miền Nam đã ra nghị quyết, xác định: “Con

đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2002, tập 20: 82) và cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành một cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Tuy nhiên, về đấu tranh vũ trang, Nghị quyết 15 mới chỉ đạo: hoạt động vũ trang ở mức độ tự vệ và vũ trang tuyên truyền nhằm phục vụ cho đấu tranh chính trị. Mặc dù vậy, Nghị quyết 15 ra đời đã đáp ứng được nhu cầu bức thiết của quần chúng cách mạng, góp phần tạo nên bước chuyển biến nhảy vọt của cách mạng miền Nam những năm 1959-1960.

Ngày 7/5/1959, Bộ Chính trị đã chỉ thị cho Xứ ủy Nam Bộ “Cần phát động một phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi trong quần chúng, đồng thời tùy từng nơi, từng lúc ra sức phát triển hoạt động vũ trang tuyên truyền để đưa địch vào thế thụ động, cô lập hơn nữa về chính trị.” (Trần Văn Trà 1993: 274-275). Chỉ thị của Trung ương tuy chưa phải cho phép chuyển sang đấu tranh vũ trang nhưng nó góp phần để các địa phương chủ động hình thành các đơn vị vũ trang tự vệ. Ngay trong năm 1959, các tổ chức tự vệ vũ trang tiếp tục hình thành, phát triển tại các xã vùng ven Sài Gòn, cụ thể tại các xã Linh Xuân, Long Thạnh Mỹ, Phước Long, Long Trường, An Khánh (Ban Chấp hành Đảng bộ TPHCM 2014: 598-599). Trong tháng 5/1959, Tỉnh ủy Gia Định đã tập hợp một số cán bộ chủ chốt ở Củ Chi, thành lập đơn vị vũ

trang đầu tiên của tỉnh, lấy phiên hiệu là C13. Tại Bình Chánh, ở các xã Tân Nhựt, Tân Tạo, Vườn Thơm, Bà Vụ cũng lần lượt xuất hiện các đội vũ trang tự vệ, đặc biệt tại xã Hưng Long đã thành lập được một đơn vị đơn vị vũ trang gồm 20 du kích trang bị vũ khí đầy đủ. Huyện ủy Nhà Bè đã liên hệ với các cơ sở cũ của lực lượng Bình Xuyên, thu gom được một số vũ khí thành lập trung đội vũ trang tự vệ Nhà Bè. Vào cuối năm 1959, trung đội này được tăng thêm quân số và trang bị đầy đủ, lấy phiên hiệu “Đại đội vũ trang nhân dân tự vệ 306” (Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Nhà Bè 2008: 215).

Nhìn chung, nhiệm vụ của các đơn vị vũ trang tập trung khi mới thành lập hầu hết là để bảo vệ căn cứ và các cơ quan Tỉnh ủy, Khu ủy, các lớp học ở căn cứ và vũ trang tuyên truyền, diệt ác, trừ gian, trừng phạt những tên ác ôn khét tiếng ở địa phương và hỗ trợ đấu tranh của quần chúng ở các địa phương (Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự TPHCM 1998: 195-196). Trong cao trào Đồng khởi, địa bàn vùng ven Sài Gòn và một số vùng nông thôn thuộc tỉnh Gia Định cũng đồng loạt nổi dậy. Có thể khẳng định, chính lực lượng vũ trang tự vệ, du kích được thành lập lúc này ở vùng ven Sài Gòn đã có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ đấu tranh chính trị, mà đỉnh cao là cao trào Đồng khởi năm 1960. Sau Đồng khởi, hình thức chiến tranh du kích phát triển mạnh ở vùng ven Sài Gòn, tiếp tục hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy, mở rộng vùng giải phóng, góp phần

đẩy hệ thống chính quyền cơ sở của chế độ Sài Gòn ở địa phương rơi vào cuộc khủng hoảng nặng nề.

Đầu năm 1960, Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn và Tỉnh ủy Gia Định hợp nhất thành Khu Sài Gòn - Gia Định do đồng chí Võ Văn Kiệt làm Bí thư. Tháng 10/1960, Ban Quân sự Khu ủy Sài Gòn - Gia Định được thành lập do đồng chí Nguyễn Hồng Đào (Tư Hồ) phụ trách. Trong bối cảnh đó, lực lượng vũ trang của Khu được thống nhất một bước dưới sự chỉ đạo của Ban Quân sự Khu. Theo chỉ đạo của Bí thư Khu ủy Võ Văn Kiệt, Khu bắt đầu xây dựng các tổ chức du kích bí mật ở cơ sở (xã, ấp). Cuối năm 1960, sau hai đợt nổi dậy và đồng khởi ở vùng ven Sài Gòn, có bốn xã phía Bắc Củ Chi: Phú Mỹ Hưng, An Nhơn Tây, Nhuận Đức, Trung Lập được hoàn toàn giải phóng và 20 xã khác giải phóng một phần. Các huyện ven đô đều có các xã ấp giải phóng làm “lõm căn cứ” để các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy và lực lượng vũ trang tại chỗ đứng chân và làm bàn đạp tiến công đối phương. Riêng bốn xã giải phóng ở phía bắc Củ Chi, nằm tiếp giáp với các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, vừa rộng rãi vừa có thể liên hoàn với căn cứ của Xứ ủy Nam Bộ nên được Khu ủy Sài Gòn - Gia Định chọn làm căn cứ Khu ủy (Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự TPHCM 1998: 202-204).

Trên cơ sở cao trào Đồng khởi, ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng miền Nam. Tháng 3/1961,

Mặt trận Giải phóng khu Sài Gòn - Gia Định cũng được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Ban Quân sự Khu Sài Gòn - Gia Định, hoạt động của lực lượng vũ trang Sài Gòn - Gia Định không còn là vũ trang tuyên truyền phục vụ cho đồng khởi mà đã mang tính chất chiến tranh du kích, số trận đánh tăng vọt. Đối tượng tác chiến của lực lượng dân quân du kích không còn là ác ôn, đồn bót mà là các đơn vị nhỏ của quân đội Sài Gòn. Đến lúc này, vai trò của đấu tranh vũ trang đã được khẳng định.

2. HOÀN THIỆN HỆ THỐNG TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN DU KÍCH VÙNG VEN SÀI GÒN GIAI ĐOẠN 1961-1965

Từ giữa năm 1961, Mỹ bắt đầu tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, với công thức: vũ khí Mỹ + cố vấn Mỹ + quân đội Sài Gòn. Trong chiến lược chiến tranh mới, Mỹ-ngụy coi bình định, dồn dân, lập ấp chiến lược là nội dung cơ bản, là biện pháp chủ yếu. Thực hiện mục tiêu chiến lược trên, quân đội Sài Gòn đã tổ chức hàng ngàn cuộc hành quân càn quét lớn nhỏ, nhằm dồn dân vào các “Ấp chiến lược”, tách dân ra khỏi lực lượng cách mạng. Trong năm 1962, quốc sách “ấp chiến lược” của chính quyền và quân đội Sài Gòn đã thu được một số kết quả, gây cho cách mạng miền Nam những khó khăn, tổn thất.

Về phía lực lượng cách mạng, ngày 31/1/1961, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra chỉ thị về nhiệm vụ cách mạng miền Nam, trong đó chỉ rõ:

“Các hình thức du kích cục bộ, khởi nghĩa từng phần đã xuất hiện, mở đầu cho một cao trào cách mạng ngày càng lớn ở miền Nam và tất yếu dẫn đến tổng công kích - tổng khởi nghĩa của nhân dân sẽ bùng nổ, lật đổ chính quyền Mỹ - Diệm giải phóng miền Nam”. Về hình thức và phương châm, Đảng cũng chỉ rõ: “Đến nay, do lực lượng so sánh đã thay đổi, cần phải chuyển phương châm đấu tranh: Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự” (Học viện Quân sự cao cấp - Ban Tổng kết kinh nghiệm chiến tranh 1980: 74-75). Với chỉ thị này, cách mạng miền Nam sau Đồng khởi đã chuyển sang thời kỳ cách mạng mới: từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công cách mạng.

Tháng 2/1961, Xứ ủy Nam Bộ thống nhất tất cả các lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam thành “Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam”, chính thức thành lập Ban Quân sự Miền (chỉ huy chiến trường B2, bao gồm các Quân khu 6, 7, 8, 9, Sài Gòn - Gia Định và từng lúc còn có Quân khu 10). Ban Quân sự Miền là tổ chức tiền thân của Bộ chỉ huy Miền (từ tháng 10/1963) và Bộ Tư lệnh Miền (từ tháng 3/1971 cho đến khi hoàn thành sứ mạng lịch sử vào tháng 7/1976) (Quân khu 7, 2004: 7). Tháng 5/1961, địa bàn Sài Gòn - Gia Định được tổ chức thành một quân khu, mật danh T4 (còn gọi là Y4), bao gồm toàn bộ

địa bàn thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn và tỉnh Gia Định cũ. Đến cuối năm 1961, Bộ Chỉ huy Quân khu Sài Gòn - Gia Định đã bước đầu thiết lập hệ thống chỉ huy xuyên suốt từ Quân khu xuống các xã theo thứ tự: Bộ Chỉ huy Quân khu, huyện đội, quận đội và xã đội. Xã đội là tổ chức chỉ huy trực tiếp lực lượng dân quân du kích ở các xã, ấp. Trong năm 1961, phần lớn các xã ở vùng ven Sài Gòn đều xây dựng được các tổ, đội dân quân tự vệ, du kích. Tại Củ Chi, các xã, ấp đều có từ 1 đến 2 tiểu đội du kích, có nơi cao nhất xây dựng được một trung đội du kích (Ban Chỉ huy Quân sự huyện Củ Chi 2006: 254).

Tháng 11/1962, Hội nghị Dân quân du kích Nam Bộ lần thứ nhất họp tại căn cứ Dương Minh Châu đã hướng đến kiện toàn các đội dân quân du kích ở Nam Bộ. Tại Hội nghị, 13 xã có phong trào chiến tranh du kích mạnh đã báo cáo kinh nghiệm, phát động toàn dân chống càn, phá ấp chiến lược, xây dựng xã chiến đấu và dân quân du kích, trong đó có 2 xã thuộc vùng ven Sài Gòn là Phước Vĩnh An và Tân Xuân. Hội nghị đã rút được 7 kinh nghiệm trong công tác chống phá ấp chiến lược để phổ biến xuống các địa phương (Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 7 2001: 218-219). Hội nghị nhấn mạnh: các chi bộ Đảng cần nhận thức đúng vai trò đấu tranh vũ trang và xã chiến đấu, phân công đảng viên vào các tổ du kích, tự vệ, chăm lo giáo dục tư tưởng và đời sống, sử dụng du kích, tự vệ vào nhiệm vụ chiến đấu, vũ trang tuyên truyền, bảo vệ quần chúng

đấu tranh, sản xuất, không huy động vào các việc linh tinh... (Lâm Hiếu Trung 2003: 291). Tháng 12/1963, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ chín. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ trước mắt cho cách mạng miền Nam là ra sức phấn đấu xây dựng lực lượng chính trị và vũ trang (nhất là lực lượng vũ trang), làm thay đổi mau chóng lực lượng so sánh giữa ta và địch theo chiều hướng có lợi cho ta, trong đó chú trọng phát triển lực lượng dân quân du kích (Đảng Cộng sản Việt Nam 2002, tập 24: 839). Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ chín, Trung ương Cục đã họp và đề ra nhiệm vụ trước mắt cho quân và dân miền Nam phải: chủ động đẩy mạnh cuộc tấn công chính trị, quân sự, binh vận đều khắp trên ba vùng, chống lập ấp chiến lược, tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch, giành thêm những thắng lợi lớn về quân sự, chính trị, làm thất bại hoàn toàn âm mưu mới của địch, trong đó chú trọng đẩy mạnh chiến tranh du kích (Trung ương Cục miền Nam, 1964: 3-4). Việc xây dựng ấp chiến đấu được xem là một hình thức chiến tranh nhân dân rất quan trọng để chống địch bình định; chú trọng xây dựng lực lượng chính trị và tự vệ mật; tích cực tiến công địch cả khi chúng không cần vào xã. Sự phát triển của lực lượng dân quân du kích đã khiến chính quyền Sài Gòn và Lầu Năm Góc lo lắng. Bộ Ngoại giao Mỹ đã phải soạn cẩm nang về phương pháp chống chiến tranh du kích và phân phát cho quân đội Mỹ, trong đó nêu rõ

về sự nguy hiểm của loại hình chiến tranh này (Yukiko Ochiai 2010).

Từ sau các hội nghị về chống phá ấp chiến lược và phát triển chiến tranh du kích cuối năm 1962, đầu năm 1963, Bộ Chỉ huy Quân khu Sài Gòn - Gia Định chú trọng phát triển lực lượng du kích, phong trào chiến tranh nhân dân, xây dựng làng xã chiến đấu, chống càn quét, diệt ác, phá kềm, coi đó là lực lượng và phương thức hiệu quả chống phá việc gom dân lập ấp của địch ở các huyện vùng ven Sài Gòn. Lực lượng dân quân du kích và tự vệ mật hầu hết đã bám trở lại hoặc xây dựng lực lượng trong các khu ấp chiến lược. Chưa kể Nhà Bè, Dĩ An, chỉ tính riêng Bình Tân, Củ Chi, Thủ Đức, Gò Môn, số du kích và tự vệ mật trong các khu ấp chiến lược đã tăng lên 575 người (Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự TPHCM 1998: 221). Đặc biệt, chiến thắng Ấp Bắc (2/1/1963) đã thổi bùng lên phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công", đẩy mạnh phong trào phá ấp chiến lược trên toàn miền Nam, trong đó có vùng ven Sài Gòn - Gia Định. Giữa năm 1963, quân Sài Gòn đã phải tạm bỏ 7 khu Ấp chiến lược và hàng chục ấp gom khoanh tại chỗ ở vùng ven, tạo điều kiện cho hàng ngàn đồng bào di tản cư hoặc bỏ ấp chiến lược về quê cũ làm ăn (Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự TPHCM 1998: 222).

Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ (1/11/1963), chính quyền Sài Gòn rơi vào một cuộc khủng hoảng chính trị nghiêm trọng. Tình hình đó là thời cơ hết sức thuận lợi cho các lực lượng

cách mạng, trong đó có lực lượng vũ trang phát triển và giành nhiều thắng lợi quan trọng. Ở vùng ven Sài Gòn, đến cuối năm 1964, Bộ Chỉ huy Quân khu Sài Gòn - Gia Định đã xây dựng tương đối hoàn chỉnh hệ thống cơ quan quân sự và lực lượng vũ trang ở các địa phương. Các huyện và hầu hết các xã ở vùng ven Sài Gòn đều có ban chỉ huy huyện đội, xã đội. Mỗi huyện đều có một đại đội địa phương, trong khi đó phần lớn các xã, ấp đều có du kích và tự vệ mật ở ngay trong xã, ấp. Từ huyện đội, xã đội, bộ đội địa phương và du kích đều tạo được các lõm căn cứ để đứng chân hoạt động (Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự TPHCM 1998: 230, 232). Sự đi lên mạnh mẽ của chiến tranh cách mạng ở vùng ven Sài Gòn nói riêng, của cả miền Nam nói chung đã đặt lực lượng cách mạng trước thời cơ lớn: có thể giải quyết cuộc chiến tranh sớm, trước khi Mỹ có sự can thiệp quân sự mạnh hơn. Cuối năm 1964, Bộ Tư lệnh Miền và Bộ Chỉ huy Quân khu Sài Gòn - Gia Định thống nhất thông qua dự thảo triển khai “Kế hoạch X” (chuẩn bị đón thời cơ, thực hiện tổng công kích - tổng khởi nghĩa giành thắng lợi quyết định). Để thực hiện kế hoạch này, Quân khu Sài Gòn - Gia Định đã nỗ lực chuẩn bị và xây dựng lực lượng. Tính đến cuối năm 1964, tổng cộng lực lượng vũ trang toàn Quân khu có hơn 9.000 người, trong đó có hơn 3.000 dân quân du kích ở địa bàn vùng ven Sài Gòn (Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự TPHCM 1998: 245).

Tháng 3/1965, Mỹ bắt đầu đưa quân chiến đấu vào miền Nam Việt Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc Việt Nam, bước vào giai đoạn thực hiện chiến lược chiến tranh mới: chiến tranh cục bộ. “Kế hoạch X” của Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền chưa kịp thực hiện, tuy vậy cũng đã thúc đẩy lực lượng vũ trang ba thứ quân của Quân khu Sài Gòn - Gia Định, trong đó có lực lượng dân quân du kích, phát triển vượt bậc. Đến đầu năm 1965, về cơ bản, lực lượng dân quân du kích vùng ven Sài Gòn - Gia Định đã phát triển mạnh và được tổ chức khá chặt chẽ. Học giả Douglas Eugene Pike - một trong những chuyên gia hàng đầu thế giới về chiến tranh Việt Nam đánh giá: tổ chức của đội quân “cộng sản Nam Việt Nam”, trong đó có lực lượng du kích ở vùng ven Sài Gòn khá chặt chẽ, có thể phối hợp để hoạt động đạt hiệu quả cao (Douglas Pike 1966).

3. KẾT LUẬN

Chiến tranh du kích, một trong những hình thức chiến tranh cơ bản, một chiến lược quân sự nhằm đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đã được áp dụng triệt để và thành công ở địa bàn vùng ven Sài Gòn. Sau khi chính quyền Sài Gòn từ chối Tổng tuyển cử, tiến hành các chiến dịch “tố cộng, diệt cộng” trên khắp miền Nam (1956), lực lượng dân quân du kích vùng ven Sài Gòn được phục hồi và từng bước phát triển theo sự phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Từ những đội vũ trang

nhỏ, phân tán, qua cao trào Đồng khởi, lực lượng quân dân du kích đã phát triển mạnh và trở thành một lực lượng quân sự quan trọng ở vùng ven Sài Gòn. Từ năm 1961 trở đi, chiến tranh du kích ở vùng ven Sài Gòn đã phát triển rộng khắp và mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi để lực lượng cách mạng đẩy mạnh phương châm đấu tranh “hai chân”, “ba mũi”, liên tục tiến công quân Mỹ và quân đội Sài Gòn. Hình thái chiến tranh du kích cục bộ

được mở rộng đã hỗ trợ cho quân chúng đấu tranh chính trị. Hoạt động phân tán với cách đánh du kích bất ngờ, linh hoạt, bằng mọi thứ vũ khí và mọi hình thức của quân du kích đã gây nhiều khó khăn, tổn thất cho quân đội Mỹ và quân đội Sài Gòn, làm thất bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ trên địa bàn vùng ven Sài Gòn, tạo cơ sở quan trọng cho cuộc kháng chiến tại chỗ trong giai đoạn sau. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Thường vụ Trung ương Cục. 1966. *Dự thảo Chỉ thị về việc đẩy mạnh hoạt động xây dựng bộ đội địa phương và dân quân du kích - đẩy mạnh chiến tranh du kích*. Số 46/N-11, ngày 18/4/1966.
2. Ban Chỉ huy Quân sự huyện Củ Chi. 2006. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Củ Chi 1945- 2005*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
3. Bộ Quốc phòng - Quân khu 7. 2004. *Lịch sử Bộ Chỉ huy Miền (1961-1976)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. Bộ Tư lệnh Quân khu 7. 1995. *50 năm lực lượng vũ trang Quân khu 7*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
5. Bộ Tư lệnh Quân khu 7. 1999. *Tổng kết sự hình thành và phát triển chiến thuật của lực lượng vũ trang nhân dân Quân khu 7 - Miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2002. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 17, 20, 24. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Đảng bộ TPHCM. 2014. *Lịch sử Đảng bộ TPHCM 1930-1975*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
8. Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự TPHCM. 1998. *Lịch sử lực lượng vũ trang TPHCM (1945-1995)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
9. Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 7. 2001. *Công tác Đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang Quân khu 7*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
10. Douglas Pike. 1966. *Viet Cong: The Organization and Techniques of the National Liberation Front of South Vietnam*. Cambridge, MA: MIT Press.
11. Học viện Quân sự cao cấp - Ban Tổng kết kinh nghiệm chiến tranh. 1980. *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975 – Những sự kiện quân sự*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.

12. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến. 2011. “Phong trào cách mạng ở đô thị Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định và các thành thị miền Nam (1945-1975)”, trong *Những vấn đề chính yếu trong lịch sử Nam Bộ kháng chiến 1945-1975*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
13. Lâm Hiếu Trung (chủ biên). 2003. *Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
14. Mạnh Kim. 2016. “Tình báo Mỹ tại chiến trường Việt Nam: Những chuyện chưa từng được kể”. *An ninh Thế giới online*, ngày 6/5/2016. <http://antgct.cand.com.vn/So-tay/Tinh-bao-My-tai-chien-truong-Viet-Nam-Nhung-chuyen-chua-tung-duoc-ke-391673/>, truy cập ngày 6/7/2016.
15. Nguyễn Đình Lê. 1999. “Nghị quyết 15 với lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam”. *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 1.
16. Quân khu 7. 2004. *Lịch sử Bộ Chỉ huy Miền (1961-1976)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
17. Trần Văn Trà. 1993. “Quân Giải Phóng Miền Nam Việt Nam”, trong *Chung một bóng cờ*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
18. Trung ương Cục miền Nam. *Chỉ thị ngày 18/3/1964*. Tư liệu của Tiểu ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Văn hóa-Tư tưởng Thành ủy TPHCM. Bản sao lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
19. Yukiko Ochiai. 2010. *U.S. Intelligence and the Origins of the Vietnam War, 1962-1965*. PhD in Politics, the University of Edinburgh.